

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MVL HAPPY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MVL HAPPY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MVL HAPPY TRADE AND SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MVL HAPPY JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110283329

3. Ngày thành lập: 14/03/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 48/158/111 phố Ngọc Hà, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0969800024

Fax:

Email: xinchao@mvltravel.vn

Website: mvltravel.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Không bao gồm hoạt động đấu giá	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
3.	Bán buôn thực phẩm	4632
4.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu: Bán buôn sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi.	4649
5.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
6.	Trồng cây hàng năm khác	0119
7.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
8.	Trồng cây lâu năm khác	0129
9.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
10.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
11.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
12.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
13.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
14.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức và quản lý các sự kiện, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức	8230

15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
16.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: - Dạy về tôn giáo; - Các trường của các tổ chức đảng, đoàn thể	8559
17.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục; - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục	8560
18.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán)	6619
19.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
20.	Quảng cáo	7310
21.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
22.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch thuật	7490
23.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
24.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
25.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
26.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: - Loại trừ hoạt động đấu giá	4791
27.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô.	4932
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay - Hoạt động của các đại lý bán vé xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	5229
29.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
30.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường	5610
31.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
32.	Dịch vụ ăn uống khác	5629

33.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Không bao gồm kinh doanh quán bar, quán karaoke, quán giải khát có khiêu vũ	5630
34.	Đại lý du lịch	7911(Chính)
35.	Điều hành tua du lịch	7912
36.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
37.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
38.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
39.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
40.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
41.	Phá dỡ	4311
42.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
43.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 1.150.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.300

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HOÀNG THỊ HUYỀN LINH	Số nhà 46/158/111, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	920	460.000.000	40,000	0461810063 26	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	920	460.000.000	40,000		
2	ĐOÀN THỊ THƯƠNG	Căn hộ 501, D3 Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.127	563.500.000	49,000	0301930025 21	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.127	563.500.000	49,000		

3	HOÀNG QUỐC BẢO	Số nhà 119 đường Xuân 68, Phường Thuận Lộc, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	253	126.500.000	11,000	0460860042 15
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	253	126.500.000	11,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐOÀN THỊ THƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/05/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030193002521

Ngày cấp: 06/12/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Xóm 3, thôn Hữu Chung, Xã Tân Phong, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ 501, D3 Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội